

Thứ năm, ngày 23 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/07/2020		•	
Tuần 20/7-24/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex đã có trạng thái dao động giằng co quanh ngưỡng 855 điểm trong phiên hôm nay. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện so với phiên hôm trước khi có 7/19 nhóm ngành nào tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường không chênh lệch nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường vẫn ở trạng thái tiêu cực cho thấy các nhà giao dịch đang khá thận trọng trong thời điểm hiện tại. Dự kiến phiên cuối tuần VNIndex có thể tiếp tục dao động trong biên độ hẹp và thử thách sự vững vàng của ngưỡng hỗ trợ 855.

Hợp đồng tương lai: Đa số các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, ngoại trừ VN30F2012 đứng giá. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/7/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_0.8%**

Phân tích kỹ thuật: IDJ_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.67** điểm, đóng cửa **856.75**. HNX-Index **-1.45** điểm, đóng cửa **113.87**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.24)**; **VRE (+0.92)**; **GAS (+0.5)**; **PLX (+0.25)**; **VIC (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.42)**; **GVR (-0.28)**; **HNG (-0.24)**; **BID (-0.17)**; **MSN (-0.1)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,369 tỷ đồng**, **+0.15%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là **5.25** điểm. Thị trường có **145** mã tăng, **61** mã tham chiếu và **227** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-82.48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-22.3 tỷ)**, **VPB (-21.5 tỷ)** và **NVL (-20.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.64** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

856.75

Giá trị: 3369.42 tỷ

1.67 (0.2%)

Khối ngoại (ròng): -82.48 tỷ

HNX-INDEX

113.87

Giá trị: 623.32 tỷ

-1.45 (-1.26%)

Khối ngoại (ròng): -1.64 tỷ

UPCOM-INDEX

57.32

Giá trị: 0.22 tỷ

-0.25 (-0.43%)

Khối ngoại (ròng): -1.25 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	42.3	0.95%
Giá vàng	1,883	0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,182	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,873	0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,637	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	70.22%
LS TPCP 5 năm	2.2%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	21.1	HPG	22.7
FUESSVFL	9.0	VPB	21.5
KDC	5.9	NVL	20.9
VHM	3.1	CII	19.2
PLX	3.0	MBB	16.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	0.8%	-2.1%	2.5%	2.5%	2.5%	-21.7%	25.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	-0.8%	4.3%	4.3%	4.3%	-8.5%	18.2%
FTSE Việt Nam	0.8%	-1.1%	3.2%	3.2%	3.2%	-7.8%	17.0%
BĐS & Khu công nghiệp	0.6%	0.8%	4.9%	4.9%	4.9%	-5.1%	17.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	-1.5%	3.9%	3.9%	3.9%	-9.2%	16.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.3%	-1.5%	4.5%	4.5%	4.5%	-12.0%	21.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	-1.6%	4.9%	4.9%	4.9%	-10.5%	19.6%
VN Diamond	0.2%	-1.8%	4.6%	4.6%	4.6%	-12.9%	19.8%
Corona Avengers	0.2%	-2.4%	4.9%	4.9%	4.9%	0.0%	22.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	-1.5%	4.8%	4.8%	4.8%	-13.9%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	-2.2%	5.2%	5.2%	5.2%	-6.5%	21.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.0%	1.3%	10.5%	10.5%	10.5%	11.4%	26.1%
VN FinSelect	-0.1%	-2.2%	4.7%	4.7%	4.7%	-6.2%	19.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-1.0%	5.0%	5.0%	5.0%	2.9%	20.7%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	0.7%	5.5%	5.5%	5.5%	-7.3%	18.7%
Ngành Dược	-0.2%	-0.3%	6.5%	6.5%	6.5%	-2.5%	18.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	-2.2%	4.6%	4.6%	4.6%	-1.5%	22.4%
Xây dựng	-0.3%	-1.9%	10.2%	10.2%	10.2%	2.0%	19.7%
Ngân Hàng	-0.3%	-1.7%	6.5%	6.5%	6.5%	-2.7%	22.9%
Đầu tư công	-0.4%	-1.9%	6.7%	6.7%	6.7%	0.6%	20.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	-1.1%	2.6%	2.6%	2.6%	7.1%	15.6%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-2.2%	6.2%	6.2%	6.2%	-4.9%	16.9%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-1.5%	4.6%	4.6%	4.6%	0.7%	20.2%
Stay-at-home	-1.0%	-1.5%	5.5%	5.5%	5.5%	10.3%	17.9%
Lãi suất giảm	-1.5%	-2.5%	6.7%	6.7%	6.7%	3.5%	19.9%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	0.3%	-1.6%	2.7%	2.7%	2.7%	-7.7%	20.2%
L32	0.1%	-0.9%	8.4%	8.4%	8.4%	-4.2%	21.3%
S11	0.0%	-1.1%	3.4%	3.4%	3.4%	1.3%	18.7%
M12	-0.1%	-1.3%	2.8%	2.8%	2.8%	-7.3%	20.0%
M22	-0.1%	-0.8%	4.0%	4.0%	4.0%	-1.7%	18.9%
M31	-0.1%	-1.8%	4.8%	4.8%	4.8%	-7.0%	21.4%
S21	-0.1%	-1.6%	2.8%	2.8%	2.8%	-9.6%	20.1%
S32	-0.5%	-3.1%	3.6%	3.6%	3.6%	-15.5%	22.6%
L11	-1.1%	-2.3%	2.5%	2.5%	2.5%	-7.9%	

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.1%	-0.8%	5.0%	5.0%	5.0%	0.0%	19.5%
LOW1	0.1%	-0.6%	3.4%	3.4%	3.4%	-4.9%	17.2%
MID1	-0.3%	-1.4%	4.6%	4.6%	4.6%	5.0%	17.6%

INDEX							
VNINDEX	0.2%	-1.8%	3.8%	3.8%	3.8%	-10.8%	16.9%
VN30INDEX	0.3%	-1.7%	3.9%	3.9%	3.9%	-9.0%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	8	17	15	10	22	3
Mục tiêu	9	1	8	6	3	3	6
Rủi ro	3	0	3	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 23/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.95	0.12%	2.50%	2.70%	-22.66%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.35	0.14%	2.30%	3.80%	-23.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	128.80	0.41%	4.40%	-0.20%	-25.23%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1864.92	-0.35%	3.80%	5.50%	26.48%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	22.63	-1.59%	18.10%	26.10%	37.60%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	895.25	-0.03%	0.50%	1.80%	-5.69%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	533.75	-0.14%	-0.30%	9.00%	0.05%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.41	0.37%	0.70%	10.00%	42.58%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.89	-0.04%	1.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.86	1.63%	0.30%	-2.60%	-11.56%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	108.35	6.49%	11.50%	13.00%	-6.80%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6486.00	-0.74%	1.60%	10.30%	8.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	541.10	-0.03%	1.70%	5.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1691.00	-0.32%	0.40%	5.50%	-7.39%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	120.71	-0.35%	1.70%	10.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.50	-0.93%	-3.60%	-1.00%	-32.70%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

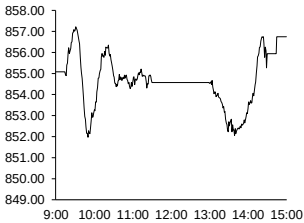
- Giá dầu**
- Dầu thô Brent giảm 3 US cent xuống 44.29 USD/thùng, dầu thô Tây Texas WTI giảm 2 US cent xuống 41.9 USD/thùng.
 - Giá dầu chịu áp lực giảm do tồn trữ dầu thô và sản phẩm chưng cất của Mỹ bất ngờ tăng, trong khi nhu cầu nhiên liệu giảm trong tuần vừa qua, bởi các trường hợp nhiễm virus corona tăng mạnh ảnh hưởng đến tiêu thụ của Mỹ, Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết.
 - Tồn trữ dầu thô của Mỹ tăng 4.9 triệu thùng trong tuần tính đến ngày 17/7/2020 lên 536.6 triệu thùng, so với dự kiến giảm 2.1 triệu thùng. Đồng thời sản lượng tăng lên 11.1 triệu thùng/ngày, tăng 100,000 thùng/ngày.
 - Ngoài ra, giá dầu giảm bởi dấu hiệu cho thấy rằng Iraq – nước sản xuất lớn thứ hai của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn không đáp ứng mục tiêu cắt giảm nguồn cung theo hiệp ước do OPEC dẫn đầu.

- Giá vàng**
- Giá vàng giao ngay tăng 1.3% lên 1,865.61 USD/ounce, trong phiên có lúc đạt mức cao nhất kể từ tháng 9/2011 (1,870.01 USD/ounce). Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1.2% lên 1,865.1 USD/ounce. Giá vàng tăng lên mức cao nhất gần 9 năm do căng thẳng Mỹ - Trung gia tăng, đẩy lên mối lo ngại nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn.

- Giá sắt thép**
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên tăng 1.1% lên 842 CNY/tấn. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc tăng 1.5 USD lên 112.5 USD/tấn. Trên sàn Thượng Hải giá thép cây tăng 1.3% lên 3,782 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 1% lên 3,802 CNY/tấn.
 - Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng phiên thứ 2 liên tiếp, được thúc đẩy bởi kỳ vọng nhu cầu quặng sắt tăng khi mùa mưa khu vực phía đông Trung Quốc kết thúc.

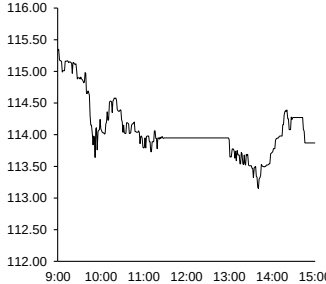
- Giá nông sản**
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 trên sàn London tăng 40 USD tương đương 3.0% lên 1,357 USD/tấn, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn ICE tăng 6.6 US cent tương đương 6.5% lên 1.0835 USD/lb.
 - Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.19 US cent tương đương 1.6% lên 11.86 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 3.7 USD tương đương 1.0% lên 359 USD/tấn.

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.69%
Hóa chất	-1.32%
Dịch vụ tài chính	-1.10%
O tô và phụ tùng	-0.89%
Thực phẩm và đồ uống	-0.41%
Bán lẻ	-0.31%
Y tế	-0.24%
Ngân hàng	-0.20%
Xây dựng và Vật liệu	-0.20%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.09%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.01%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.04%
Bảo hiểm	0.11%
Du lịch và Giải trí	0.22%
Công nghệ Thông tin	0.54%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.79%
Bất động sản	0.96%
Dầu khí	1.50%

Nguồn: FlinPro

Phân tích kỹ thuật

IDJ_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: IDJ đã có một phiên bứt phá sau khi tạo ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 12.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại quanh ngưỡng giá 13 và chốt lời tại ngưỡng giá 17.0 và cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 12.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

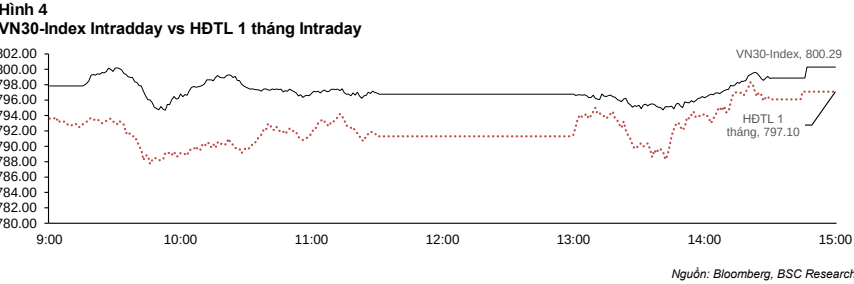
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	11.3	1	3.20%	Có thể tiếp tục mua
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	10.2	2	0.00%	Có thể tiếp tục mua
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	13.85	3	-1.07%	Có thể tiếp tục mua
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	12.1	6	-3.20%	Có thể tiếp tục mua
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	27.2	7	-2.16%	Có thể tiếp tục mua
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	24.7	8	-2.76%	Có thể tiếp tục mua
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	14.85	9	-0.34%	Có thể tiếp tục mua
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	11.5	10	-3.36%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	14.4	13	-0.35%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	31.25	14	2.46%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	20.2	16	-1.94%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	47.75	17	2.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.55	22	5.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	11.95	24	5.29%	Có thể tiếp tục mua
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	40.4	27	2.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	31	39	27.5	29.7	29	-4.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2020	FCN	10.8	14	9.5	10.45	30	-3.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/19/2020	VIC	97.3	100	88	90	34	-7.50%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/18/2020	HPG	26.8	32	24	28.2	35	5.22%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.8	37	5.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/12/2020	STB	11.8	13	10.5	11.25	41	-4.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.15	48	2.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
6/25/2020	VRG	14.7	16.8	12.5	TP	7	14.29%
6/22/2020	PDR	24.8	29	23	SL	9	-7.26%
6/17/2020	MSH	35.95	40	32.3	SL	12	-10.15%
6/15/2020	NVL	55.2	60	53	TP	4	8.70%
6/11/2020	DAH	14	16.5	11	TP	19	17.86%
6/10/2020	GEG	21	25	20	SL	2	-4.76%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	12	3.38%	-2.90%	-0.04%	20
Cổ phiếu đã chốt	7	5	12.93%	-8.29%	4.08%	10

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	797.10	0.64%	-3.19	20.1%	175,591	8/20/2020	28
VN30F2009	794.20	0.60%	-6.09	4.5%	462	9/17/2020	56
VN30F2012	790.00	0.38%	-10.29	-68.3%	107	12/17/2020	147
VN30F2103	787.30	-1.99%	-12.99	3.4%	30	3/18/2021	238

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.44 điểm lên mức 800.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VRE, VHM, HDB, REE và FPT tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 dao động giằng co quanh mốc tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch. VN30 có thể sẽ chưa thiết lập được xu hướng rõ ràng trong những phiên tới.

- Đa số các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, ngoại trừ VN30F2012 đứng giá. Xét về khối lượng giao dịch, đa số hợp đồng đều tăng, ngoại trừ VN30F2012. Tất cả các hợp đồng đều không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2005	11/30/2020	130	1:1	95,310	44.34%	4,000	3,390	27.92%	3,339	1.02	32,000	28,000	28,300
CVRE2006	10/29/2020	98	4:1	361,080	44.34%	1,100	1,580	15.33%	1,529	1.03	27,400	23,000	28,300
CVRE2007	4/5/2021	256	5:1	263,670	44.34%	1,520	930	8.14%	551	1.69	40,933	33,333	28,300
CREE2004	10/23/2020	92	3:1	133,610	28.24%	1,570	1,870	8.09%	1,606	1.16	34,210	29,500	33,600
CVHM2003	10/29/2020	98	10:1	142,310	36.60%	1,000	1,400	7.69%	1,171	1.20	80,000	70,000	78,800
CVHM2002	11/30/2020	130	1:1	42,140	36.60%	11,500	10,270	7.43%	8,376	1.23	88,500	77,000	78,800
CVRE2003	12/16/2020	146	2:1	696,100	44.34%	3,000	770	6.94%	389	1.98	43,999	37,999	28,300
CVNM2005	10/29/2020	98	10:1	87,280	31.36%	1,500	1,930	4.32%	1,495	1.29	118,000	103,000	114,200
CNVL2001	12/16/2020	146	4:1	125,550	17.82%	2,300	2,050	1.99%	530	3.87	75,088	65,888	63,000
CHPG2009	10/29/2020	98	2:1	70,840	36.57%	1,600	3,290	0.92%	3,110	1.06	25,700	22,500	28,200
CFPT2003	11/9/2020	109	1:1	20,880	32.14%	7,300	9,120	-0.22%	2,678	3.41	57,300	50,000	47,750
CVNM2003	9/4/2020	43	10:1	95,220	31.36%	1,450	2,420	-0.41%	2,086	1.16	107,280	92,780	114,200
CVPB2007	10/29/2020	98	2:1	177,300	45.21%	1,700	1,220	-0.81%	1,115	1.09	25,900	22,500	22,500
CHPG2002	12/16/2020	146	2:1	100,850	36.57%	1,700	1,710	-1.16%	1,041	1.64	33,399	29,999	28,200
CMWG2009	10/23/2020	92	8:1	235,860	39.63%	1,600	1,250	-1.57%	942	1.33	94,800	82,000	83,000
CCTD2001	12/16/2020	146	10:1	128,180	55.46%	1,540	1,820	-1.62%	1,090	1.67	96,288	80,888	79,100
CTCB2004	8/18/2020	26	2:1	209,240	37.15%	1,050	1,750	-1.69%	1,691	1.03	19,100	17,000	20,300
CSTB2003	9/16/2020	55	1:1	172,480	41.76%	1,360	1,410	-2.76%	834	1.69	12,471	11,111	11,250
CSTB2004	11/30/2020	130	1:1	337,170	41.76%	1,400	1,430	-8.33%	1,325	1.08	12,400	11,000	11,250
CSTB2002	12/16/2020	146	1:1	478,970	41.76%	1,700	1,440	-10.00%	1,008	1.43	13,588	11,888	11,250
Tổng				3,495,070	38.19%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/7/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

- Về giá, CVRE2005 và CVHM2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 27.9% và 19.2%, ở chiều hướng ngược lại, CVJC2001 và CMBB2002 giảm mạnh nhất lần lượt là 34% và 19.4%. Thanh khoản thị trường tăng 24.78%. CSTB2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.41% thị trường.

- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CHPG2005 và CVPB2005. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh l

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.0	-0.2%	1.2	1,634	1.5	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.0	0.7%	1.3	577	0.8	5,248	11.2	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	45.9	-0.2%	1.3	1,481	0.8	1,307	35.1	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	31.3	2.6%	0.4	304	0.0	2,654	11.8	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	90.0	0.2%	0.8	13,236	0.7	2,095	43.0	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.3	5.0%	1.1	2,796	8.8	1,226	23.1	2.4	30.8%	10.3%
VHM	Bất động sản	78.8	1.7%	1.3	11,270	3.0	7,825	10.1	4.1	20.1%	47.9%
DXG	Bất động sản	10.2	-1.9%	1.3	229	0.8	1,672	6.1	0.8	40.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.9	-1.0%	1.3	389	2.8	1,415	10.5	0.8	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.5	-0.4%	1.0	161	0.7	4,240	5.3	0.9	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.4	-0.8%	1.7	243	0.9	1,608	11.4	1.3	51.9%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.8	0.7%	0.8	1,627	1.9	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.3	0.2%	0.4	522	0.0	4,812	10.0	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.1	1.3%	1.5	5,917	1.9	5,138	13.8	2.6	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	46.0	1.5%	1.5	2,412	0.7	869	52.9	2.9	14.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.5	1.6%	1.5	260	1.7	1,238	10.1	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	1.5%	0.8	930	0.4	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.8	0.0%	0.5	528	0.0	5,044	18.4	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.9	-0.7%	0.4	253	0.8	1,586	9.4	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.8	-0.1%	0.4	202	0.2	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.5	0.0%	1.1	13,304	4.8	4,915	16.8	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	39.9	-0.4%	1.4	6,969	1.3	2,140	18.6	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.4	0.0%	1.2	3,780	3.0	2,510	9.3	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.5	0.2%	1.2	2,385	2.3	4,126	5.5	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.1	-0.6%	1.0	1,788	2.4	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.2	-0.8%	0.9	1,749	2.1	3,780	6.4	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.5	0.0%	0.9	187	0.1	5,303	9.9	1.7	81.7%	17.0%
NTP	Nhựa	30.1	-1.0%	0.4	154	0.1	3,348	9.0	1.4	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	-0.7%	0.4	649	0.0	356	42.4	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.2	0.4%	1.1	3,385	12.3	2,764	10.2	1.6	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.0	-1.8%	1.4	213	3.8	1,493	7.4	0.8	11.0%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	114.2	0.1%	0.7	8,646	3.8	5,453	20.9	6.6	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	187.8	-1.2%	0.8	5,236	1.1	6,719	28.0	7.0	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	53.9	-0.6%	1.0	2,739	1.8	3,961	13.6	1.5	38.8%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-0.3%	0.8	376	2.9	171	86.4	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	57.5	-0.2%	0.8	5,442	0.3	3,450	16.7	3.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.9	0.5%	1.1	2,457	1.2	7,110	15.2	3.8	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	25.8	0.0%	1.7	1,591	0.2	1,654	15.6	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.5	-0.5%	0.9	251	0.1	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.3	0.0%	1.1	126	0.3	2,117	4.9	0.6	22.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.9	-0.2%	1.0	418	0.1	8,219	7.5	2.9	2.8%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	0.5%	0.7	392	0.3	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	-1.1%	1.0	230	0.1	1,937	7.1	1.0	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	79.1	0.1%	1.0	262	2.2	8,467	9.3	0.7	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	17.8	-1.7%	0.3	185	1.4	1,775	10.0	0.8	37.1%	8.5%
REE	Điện	33.6	3.9%	-1.4	453	0.7	4,976	6.8	1.0	49.0%	16.0%
PC1	Điện	18.5	-1.3%	-0.4	128	0.3	2,268	8.2	0.8	16.5%	10.7%
POW	Điện	9.7	-0.8%	0.6	983	1.2	1,028	9.4	0.8	11.2%	9.4%
NT2	Điện	21.7	-6.1%	0.5	272	0.3	2,685	8.1	1.4	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.4	-3.0%	0.8	294	1.8	1,880	7.7	0.7	20.8%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.6	0.0%	0.9	1,197	0.0	2,332	11.4	1.9	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	78.80	1.68	1.24	882880.00
VRE	28.30	5.01	0.90	7.25MLN
GAS	71.10	1.28	0.49	629750.00
PLX	46.00	1.55	0.26	368860.00
VIC	90.00	0.22	0.19	181680.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.42	137160.00	1.11MLN
GVR	0.00	-0.29	1.06MLN	607060.00
HNG	-0.01	-0.25	1.65MLN	373600.00
BID	0.00	-0.17	764300.00	192700.00
NT2	-0.01	-0.12	305480.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	36.05	6.97	0.03	460.00
SGR	17.65	6.97	0.02	7760.00
TNC	23.40	6.85	0.01	484380.00
VPS	8.58	6.85	0.00	210.00
VTB	10.00	6.84	0.00	8690.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GSP	10.25	-11.64	-0.01	5580.00
BCG	6.75	-7.53	-0.02	585430.00
CLC	26.40	-7.04	-0.02	2160.00
PIT	4.00	-6.98	0.00	15000.00
ADS	10.05	-6.94	-0.01	130410.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIX	8.40	9.09	0.07	1.26MLN
HHC	97.50	8.33	0.07	200.00
PVS	12.50	1.63	0.05	3.23MLN
VCG	26.20	2.34	0.04	49900.00
IDJ	13.30	9.92	0.04	1.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.20	-3.94	-0.75	2.36MLN
ACB	24.20	-0.82	-0.32	1.95MLN
NVB	8.70	-2.25	-0.08	2.73MLN
SHS	11.50	-3.36	-0.06	1.86MLN
CEO	7.60	-2.56	-0.03	751100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

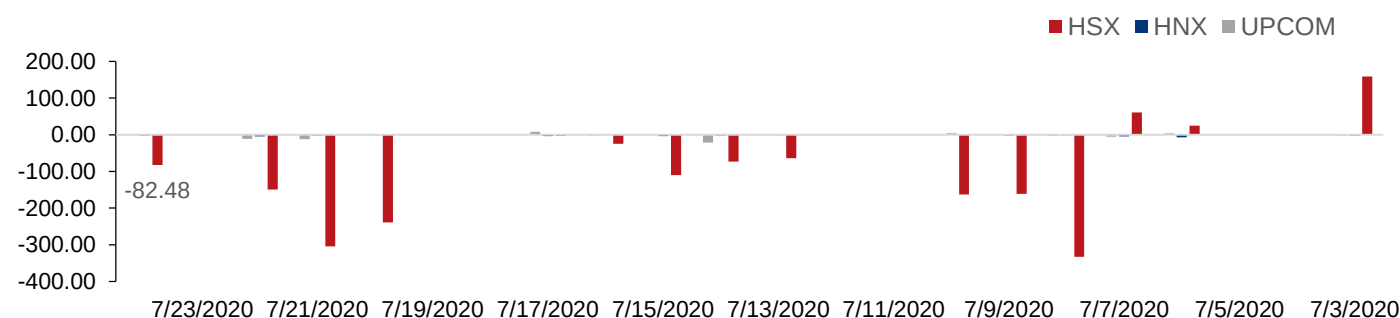
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	124200.00
VIG	0.80	14.3	0.00	89900.00
CET	2.20	10.0	0.00	52700.00
KVC	1.10	10.0	0.01	776800.00
VNF	31.90	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	311100.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	255200.00
VLA	13.50		0.00	1500.00
WSS	1.80	-10.00	-0.01	100.00
TKU	8.30	-9.78	0.00	1800.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.5	3,321	7.7	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	22.5	4,126	5.5	1.2	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	52.6	9,642	5.5	1.5	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	53.9	3,961	13.6	1.5	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.0	1,493	7.4	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	23.6	1,140	20.7	2.0	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.2	2,764	10.2	1.6	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.0	5,248	11.2	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.1	5,718	23.5	8.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	10.2	1,672	6.1	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.2	7,637	2.6	0.9	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.4	4,761	8.9	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.5	4,915	16.8	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.2	3,780	6.4	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.2	6,553	5.8	1.4	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	54.5	3,887	14.0	2.7	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	47.8	4,804	9.9	2.2	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	19.5	1,583	12.3	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.4	1,880	7.7	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	187.8	6,719	28.0	7.0	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.8	1,780	13.9	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.2	5,453	20.9	6.6	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.0	8,808	9.4	2.8	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.0	2,048	8.3	1.3	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	92.8	5,044	18.4	3.8	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,117	4.9	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.0	5,248	11.2	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.3	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	198.5	14,782	13.4	5.5	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	10.4	0	14.9	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	10.2	3,219	3.2	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	18.5	2,268	8.2	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	28.1	-218	#N/A	2.9	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	29.7	2,986	9.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KPTL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn